

Số: 438/2026/QĐ-PT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 5 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI
QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN
TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Minh

Ông Phan Nhựt Bình

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 780/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217, Điều 218, Điều 219 và khoản 2 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc “*Tranh chấp về thay đổi người thừa kế di sản*” giữa:

- **Nguyên đơn:** Ông Trần Văn T (đã chết)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

1.1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1964.

1.2. Ông Trần Minh H, sinh năm 1990.

1.3. Ông Trần Minh H1, sinh năm 1992.

Cùng địa chỉ: G Ấp E, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Trần Văn R, sinh năm 1968.

Địa chỉ: A, Ấp D, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Ông Trần Văn U (đã chết), có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

3.1. Bà Trương Thị Kim H2, sinh năm 1981.

3.2. Trần Thị Tuyết H3, sinh năm 2004.

3.3. Trần Thanh P, sinh năm 2008 do bà Trương Thị Kim H2 làm đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: G Ấp C, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trần Thị M, sinh năm 1968.

Địa chỉ: G Ấp C, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh

5. Bà Trần Thị G, sinh năm 1972.

Địa chỉ: 1 Ấp D, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh

6. Ông Trần Văn S, sinh năm 1956 (đã chết),

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng:

6.1. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1965.

Địa chỉ: 9 Đại lộ B, Khu phố I, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

6.2. Bà Trần Thị T2, sinh năm 1985.

Địa chỉ: B đường D, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

6.3. Trần Ngọc Thúy N, sinh năm 2003.

6.4. Trần Ngọc Thúy V, sinh năm 2001.

Cùng địa chỉ: 9 Đại lộ B, Khu phố I, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường P, Thành phố Hồ Chí Minh).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Thu V1, sinh năm 1962.

2. Ông Trần Trung D, sinh năm 1985.

Cùng địa chỉ: 7 Ấp C, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị N1, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 1 Ấp E, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Lương Minh L, sinh năm 1953

3. Ông Lương Đại L1, sinh năm 1982

4. Bà Lương Ngọc Đ, sinh năm 1980.

5. Bà Lương Huỳnh M1, sinh năm 1978.

Cùng địa chỉ: F H, Phường E, quận G (nay phường A), Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Trần Thị T3 (Thanh Chris L), sinh năm 1950.

Địa chỉ: F S, M, T, USA.

7. Ông Trần Minh D1, sinh năm 1986.

Địa chỉ: 9 Đại lộ B, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh).

8. Bà Nguyễn Thị H4, sinh năm 1959.

Địa chỉ: F 27th S, O, NE, 68107, USA.

Tại đơn kháng cáo ngày 17 tháng 10 năm 2025, nguyên đơn là bà Trần Thị G yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nêu trên và chuyển hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

XÉT THẤY:

[1] Hồ sơ vụ án thể hiện, các đương sự thống nhất cụ Trần Văn C1 (chết năm 1989) và cụ Lê Thị X (chết năm 1960) là vợ chồng, có 06 người con chung là các ông, bà Trần Văn M2, Trần Thị T3, Trần Văn S, Trần Thị N1, Trần Thị H5 và Trần Văn X1. Sau khi cụ X chết thì cụ C1 kết hôn với cụ Phạm Thị H6 (chết năm 2001) và có 06 người con chung là Trần Văn T, Trần Văn R, Trần Thị G, Trần Thị M và Trần Văn U'.

Nguyên đơn cho rằng tài sản là nhà, đất có diện tích 3200m² thuộc thửa 121, tờ bản đồ số 42 (theo TL 2005) tọa lạc tại địa chỉ 7 Ấp E, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh là di sản do cụ C1 và cụ X chết để lại, do ông Trần Văn M2 tạm quản lý nên khởi kiện yêu cầu thay đổi người quản lý di sản thừa kế nêu trên, cụ thể là giao cho bà Trần Thị T2 (con ông Trần Văn S) và bà Trần Thị G quản lý.

Bị đơn cho rằng nhà, đất tranh chấp không phải là di sản của cụ C1 và cụ X mà do ông Trần Văn M2 tạo lập, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[2] Tại bản án dân sự phúc thẩm số 34/2014/DS-PT ngày 05/3/2014 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết vụ án tranh chấp chia thừa kế đối với nhà, đất tại địa chỉ 7 Ấp E, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh (đã có hiệu lực pháp luật) thể hiện ông Trần Văn M2 khai nhận: *“đây là đất của ông bà nội để lại cho cha mẹ nhưng không có giấy tờ”*. Bản án nêu trên đã xác định: *“có đủ căn cứ xác định tài sản là căn nhà số G Ấp E, xã Đ gắn liền với diện tích 3.200m² đất mà ông Trần Văn M2 đang quản*

lý, sử dụng là di sản thừa kế do ông bà, cha mẹ của các đồng thừa kế chết để lại” (BL 123, 124).

[3] Tại biên bản giải quyết đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ, QSHNỞ của bà Nguyễn Thị Thu V1 đối với nhà, đất số 7/17 Ấp E, xã Đ, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H chi nhánh huyện H lập ngày 14/9/2017 (BL 111) thể hiện ý kiến của bà Nguyễn Thị Thu V1 như sau: “*Nguồn gốc đất và nhà là của Trần Văn N2 sử dụng, sau khi ông N2 chết ông C1 tiếp tục sử dụng; khi ông C1 chết thì ông Trần Văn M2 là con tiếp tục sử dụng*”.

[4] Các tình tiết nêu tại mục [2] và [3] là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[5] Ngoài ra, tại Công văn số 19666/VPĐK-KTĐC ngày 19/12/2017 của Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố H thể hiện phần diện tích đất tranh chấp theo tài liệu Chỉ thị 299/TTg thuộc một phần thửa 1268, diện tích 3.003m² do ông Trần Văn C1 đứng bộ. Tại Công văn số 1639/UBND ngày 31/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã Đ cũng khẳng định: “*Qua xác minh thực tế nguồn gốc nhà, đất do ông Trần Văn C1 và bà Lê Thị X sử dụng. Năm 1960, bà X chết, ông C1 có vợ kế là bà Phạm Thị H6 tiếp tục sử dụng căn nhà 7/17. Năm 1989 ông C1 chết, bà H6 và các con cùng ở lại căn nhà trên. Đến năm 2001, bà H6 chết và không để lại chi chúc bất kỳ cho ai. Sau đó Trần Văn M2 (là con trai cả của ông Trần Văn C1) ở lại căn nhà 7/17 và tiếp tục đăng ký kê khai sổ mục kê. Năm 2017 ông M2 chết, vợ ông M2 là Nguyễn Thị Thu V1 vẫn ở lại căn nhà 7/17 cho đến nay. Giấy chứng nhận tạm thời số 557 ngày 07/7/1993 do Ủy ban nhân dân Đ, huyện H cấp cho ông Trần Văn M2 là địa chỉ tọa lạc tại căn nhà 7 ấp E; Căn nhà cấp 4 tọa lạc tại địa chỉ: 7 ấp E, xã Đ, huyện H nằm trong khuôn viên đất rộng khoảng 3.200m² thuộc thửa 314 tờ bản đồ số 5 (TL chỉ thị 02/CT-UB) xã Đ, huyện H*”.

[6] Như vậy, căn cứ các tài liệu, chứng cứ nêu trên, có đủ cơ sở xác định căn nhà số G Ấp E, xã Đ, huyện H (nay là xã Đ), Thành phố Hồ Chí Minh gắn liền với diện tích đất 3.200m² thuộc thửa 121, tờ bản đồ số 42 (theo TL 2005) là di sản thừa kế do cụ Trần Văn C1 và cụ Lê Thị X chết để lại. Các nguyên đơn là đồng thừa kế của cụ C1, cụ X có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người quản lý di sản theo quy định của pháp luật.

[7] Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng chưa đủ cơ sở xác định tài sản nêu trên là di sản của cụ C1, cụ X nên chưa đủ điều kiện khởi kiện là không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Hơn nữa, theo hướng dẫn tại Điều 3 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 thì “Chưa có đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của pháp luật là trường hợp pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật khác có quy định về các điều kiện để cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác, lợi ích công cộng và lợi ích của Nhà nước nhưng người khởi kiện đã khởi kiện đến Tòa án khi còn thiếu một trong các điều kiện đó... Đối với tranh chấp ai là người có quyền sử dụng đất mà chưa được hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp theo quy định tại Điều 202 Luật đất đai năm 2013 thì được xác định là chưa có đủ điều kiện khởi kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất như: tranh chấp về giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất, tranh chấp về thừa kế quyền sử dụng đất, chia tài sản chung của vợ chồng là quyền sử dụng đất,... thì thủ tục hòa giải tại Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có đất tranh chấp không phải là điều kiện khởi kiện vụ án”. Đối chiếu với quy định trên thì vụ án này không thuộc trường hợp chưa đủ điều kiện khởi kiện theo quy định nêu trên. Trường hợp cho rằng các nguyên đơn không chứng minh được tài sản tranh chấp là di sản thừa kế của cụ C1, cụ X, cụ H6 thì Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết vụ án với lý do chưa đủ điều kiện khởi kiện là không đúng quy định pháp luật.

Do đó, Hội đồng phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm tiếp tục giải quyết vụ án.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị G không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm c khoản 5 Điều 314 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là bà Trần Thị G.

Hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 780/2025/QĐST-DS ngày 08 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân Thành phố

Hồ Chí Minh và chuyển hồ sơ về cho Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục giải quyết vụ án.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị G không phải chịu. Hoàn trả cho bà Trần Thị G 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0036299 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VCTVKSXXPT tại TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu. (QĐ-PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hoàng Thanh Dũng